

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH NINH BÌNH **CỘNG THƯƠNG NINH BÌNH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2019/NQ-HĐND *Số đến 3109* Ninh Bình, ngày 12 tháng 7 năm 2019

Ngày 29/7/2019

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nội dung, mức chi, mức hỗ trợ dành cho công tác
đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của
Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Quy định nội dung, mức chi, mức hỗ trợ cho
công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình; Báo
cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi, mức hỗ trợ dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XIV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12/7/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/8/2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Công báo tỉnh;
- Báo Ninh Bình, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, phòng TH.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quảng

QUY ĐỊNH

**Nội dung, mức chi, mức hỗ trợ dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Ninh Bình**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung, mức chi, mức hỗ trợ dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này được áp dụng cho các đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng bao gồm:

a) Cán bộ trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh quản lý.

b) Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự đang làm việc trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

d) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

đ) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý.

2. Các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo các Đề án/Dự án của Trung ương, của tỉnh mà các Đề án/Dự án đó có quy định riêng thì thực hiện theo các Đề án/Dự án đó.

3. Quy định này không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị không thụ hưởng ngân sách địa phương.

**Chương II
NỘI DUNG, MỨC CHI, MỨC HỖ TRỢ
CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

Điều 3. Nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản

lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC).

Điều 4. Mức hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức

1. Mức hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức trong nước

Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học ở trong nước theo quy định, sau khi tốt nghiệp được hỗ trợ như sau:

- a) Thạc sỹ, Chuyên khoa cấp I: 30.000.000 đồng/người/khóa học;
- b) Tiến sỹ, Chuyên khoa cấp II: 50.000.000 đồng/người/khóa học.

2. Mức hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức ở nước ngoài

Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài theo quy định, sau khi tốt nghiệp được hỗ trợ như sau:

- a) Thạc sỹ: 50.000.000 đồng/người/khóa học.
- b) Tiến sỹ: 100.000.000 đồng/người/khóa học.

Điều 5. Mức chi đào tạo cán bộ, công chức trong nước

1. Đối với cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo trình độ cử nhân, cao cấp lý luận chính trị theo quy định:

a) Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho cơ sở đào tạo: Theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi cán bộ, công chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

b) Căn cứ chứng từ, hóa đơn hợp pháp, được hỗ trợ một phần tiền mua giáo trình, tài liệu học tập bắt buộc cho cả khóa học theo mức: Không quá 1.500.000 đồng/người/khoá học đối với hệ cử nhân; không quá 1.000.000 đồng/người/khoá học đối với hệ cao cấp.

2. Cán bộ, công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo các lớp trung cấp, cao đẳng, đại học chuyên môn theo quy định hoặc do tỉnh quyết định mở tại tỉnh Ninh Bình để đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương:

a) Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho cơ sở đào tạo: Theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi cán bộ, công chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết nhưng không được vượt quá mức trần học phí đối với chương trình đào tạo đại trà của cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống

giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

b) Căn cứ chứng từ, hóa đơn hợp pháp, được hỗ trợ tiền mua giáo trình, tài liệu học tập bắt buộc với mức không quá: 300.000 đồng/người/năm.

3. Cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được cấp có thẩm quyền cử đi học các lớp Trung cấp lý luận chính trị theo quy định mở tại tỉnh hoặc tại huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình:

a) Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho cơ sở đào tạo: Theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi cán bộ, công chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết;

b) Căn cứ chứng từ, hóa đơn hợp pháp, được hỗ trợ một phần tiền mua giáo trình, tài liệu học tập bắt buộc cho cả khoá học với mức hỗ trợ không quá: 600.000 đồng/người/khoá học.

4. Mức chi đối với các nội dung khác về đào tạo cán bộ, công chức trong nước (chi hỗ trợ một phần tiền ăn; chi hỗ trợ chi phí đi lại; chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ) không quy định tại Điều này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

Điều 6. Mức hỗ trợ đào tạo cán bộ, công chức nữ, người dân tộc thiểu số trong nước

Cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc là nữ được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo với các nội dung và đối tượng đào tạo nêu tại Khoản 1 Điều 4 và Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 5 Quy định này:

1. Được hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 và Điều 5 Quy định này.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này còn được hưởng thêm mức hỗ trợ như sau:

a) Đi đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị: 2.000.000 đồng/người/khoá học.

b) Đi đào tạo trình độ đại học chuyên môn: 3.000.000 đồng/người/khoá học.

c) Đi đào tạo trình độ cử nhân lý luận chính trị: 3.000.000 đồng/người/khoá học đối với hệ không tập trung; 5.000.000 đồng/người/khoá học đối với hệ tập trung.

d) Đi đào tạo trình độ cao cấp lý luận chính trị: 2.000.000 đồng/người/khoá học đối với hệ không tập trung; 3.000.000 đồng/người/khoá học đối với hệ tập trung.

đ) Đi đào tạo sau đại học: 7.000.000 đồng/người/khoá học đối với trình độ Thạc sỹ, Chuyên khoa cấp I; 10.000.000 đồng/người/khoá học đối với trình độ Tiến sỹ, Chuyên khoa cấp II.

Điều 7. Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nước

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng kinh phí được cấp có thẩm quyền phân bổ hàng năm, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng cán bộ, công chức, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố phải bảo đảm sắp xếp kinh phí để thực hiện theo đúng nhiệm vụ bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền giao và trong phạm vi dự toán được phân bổ; các khoản chi không vượt quá định mức sau:

1. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) trong nước trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học):

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/buổi.

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương; Giáo sư; Chuyên gia cao cấp; Giảng viên cao cấp; Tiến sĩ khoa học: 1.600.000 đồng/người/buổi.

c) Giảng viên, báo cáo viên là Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng thuộc Bộ và các chức danh tương đương; Phó giáo sư; Tiến sĩ; Chuyên viên chính của các cơ quan Trung ương; Giảng viên chính; Chuyên viên cao cấp; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; Trưởng, phó các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các chức danh tương đương; Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1.200.000 đồng/người/buổi.

d) Giảng viên, báo cáo viên còn lại ngoài các đối tượng nêu trên công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh: 800.000 đồng/người/buổi.

đ) Giảng viên, báo cáo viên còn lại ngoài các đối tượng nêu trên công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện và tương đương trở xuống: 500.000 đồng/người/buổi.

e) Trợ giảng (nếu có): Mức chi là 50% mức thù lao tương ứng đối với từng đối tượng giảng viên, báo cáo viên tham gia giảng dạy tại các lớp bồi dưỡng theo quy định nêu trên.

g) Giảng viên nước ngoài: Tùy theo mức độ cần thiết các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định việc mời giảng viên nước ngoài. Mức thù lao đối với giảng viên

nước ngoài do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định trên cơ sở thỏa thuận tùy theo chất lượng giảng viên và bảo đảm phù hợp với khả năng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị.

h) Riêng đối với giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, thì số giờ giảng vượt định mức được thanh toán theo quy định hiện hành về chế độ trả lương dạy thêm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập. Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp học do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn được hưởng theo chế độ thù lao giảng viên theo quy định.

2. Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên:

Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quyết định mức chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên cho phù hợp, nhưng tối đa không vượt quá mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND).

3. Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên:

Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND.

4. Chi nước uống phục vụ lớp học:

Áp dụng mức chi nước uống tổ chức các cuộc hội nghị theo quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND.

5. Chi phí tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế:

a) Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.

b) Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế: Do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ phù hợp với mức chi công tác phí quy định tại Nghị quyết số 14/2017/NQ-

HĐND và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao.

6. Mức chi đối với các nội dung khác về bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nước không quy định tại Điều này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

Điều 8. Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài

Cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

Điều 9. Mức chi, mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Căn cứ nội dung, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng đi đào tạo, bồi dưỡng; nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; nội dung chi, mức chi, mức hỗ trợ dành cho đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Quy định này; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi, mức hỗ trợ dành cho đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật và cơ chế tài chính của đơn vị.

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện đào tạo, bồi dưỡng, thẩm quyền quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng; nguồn kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo từ ngày 01 tháng 12 năm 2010 đến ngày Nghị quyết có hiệu lực mà chưa được hưởng chế độ hỗ trợ của tỉnh thì hưởng chế độ hỗ trợ tương ứng quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 9 Quy định này.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



CHỦ TỊCH

Trần Hồng Quảng